

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ NINH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-12-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kim Thạch, ông Bùi Kim Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Lê Đại N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đại N tự nguyện tìm hiểu kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông N hay uống rượu rồi về nhà chửi bới, đánh đập và xúc phạm đến cha mẹ bà. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông N không thay đổi. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết

cho bà được ly hôn với ông N.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Lê Thị Thủy T, sinh ngày 07/10/2009 và Lê Anh T, sinh ngày 14/3/2012. Khi ly hôn bà có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa bà thay đổi về việc nuôi con chung, bà nhận nuôi con Lê Thị Thủy T, còn ông N nuôi con Lê Anh T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đại N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất theo lời khai của bà T về quan hệ hôn nhân và con chung. Về việc bà T xin ly hôn, trong thời gian chung sống vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, trong lúc cãi vã nhau ông có đánh bà T vài bực tai. Ông thấy việc ông đánh vợ là không đúng, ông cam kết khắc phục từ nay về sau không xảy ra nữa. Ông vẫn còn tình cảm với bà T nên không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung như bà T trình bày là đúng, nếu vợ chồng ly hôn thì ông có nguyện vọng nuôi con chung là Lê Anh T, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý giao cả 02 con cho bà T nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh T. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Thủy T, sinh ngày 07/10/2009 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi; Giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 14/3/2012 cho ông N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Đại N có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

## **[2]. Về nội dung vụ án:**

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Bà Thủy và ông N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P vào năm 2009 nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Ông N có hành vi bạo lực đối với bà T và xúc phạm gia đình bà T. Ông N và bà T thừa nhận vợ chồng không công khai, minh bạch kinh tế gia đình, không có sự hòa hợp trong đời sống “chăn gối” của vợ chồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2]** Về nuôi con chung: Xét thấy, cả hai con có nguyện vọng ở với mẹ nhưng nếu giao cả hai con cho bà T nuôi dưỡng thì không đảm bảo quyền lợi của các con, vì bà T không có chỗ ở và thu nhập ổn định và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông N có yêu cầu nuôi dưỡng cháu T là chính đáng và hiện tại cháu T đang ở với ông N. Tại phiên tòa bà T và ông N thỏa thuận việc nuôi con nếu ly hôn cụ thể như sau: Bà T nhận nuôi dưỡng con Lê Thị Thủy T, sinh ngày 07/10/2009; ông N nhận nuôi dưỡng con Lê Anh T, sinh ngày 14/3/2012. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của bà T và ông N không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các con nên công nhận sự thỏa thuận của bà Thủy và ông N là đúng quy định của pháp luật.

**[2.3]** Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông N khai không có nên không xem xét, giải quyết.

**[3]** Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; Điều 147, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thanh T và ông Lê Đại N ly hôn.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao con Lê Thị Thủy T, sinh ngày 07/10/2009 cho bà Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi; Giao con Lê Anh T, sinh ngày 14/3/2012 cho ông Lê Đại N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010486, ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/12/2022), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhậm:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- UBND xã Tam Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Trung Thành**

